

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 (Nghị quyết số 02/NQ-CP), UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nhằm thích ứng với xu thế phát triển của nền kinh tế hiện nay; tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp mới thành lập; giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động; giảm chi phí đầu vào, chi phí không chính thức, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững.

- Tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thông thoáng, minh bạch, thân thiện để đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đưa tỉnh Bắc Giang phát triển toàn diện, vững chắc, giữ vững vị thế, hình ảnh Bắc Giang, góp phần vào công cuộc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp quốc gia năm 2024.

2. Yêu cầu

- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ nhằm hoàn thành các mục tiêu năm 2024 được giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch theo sự chỉ đạo, điều hành chặt chẽ, toàn diện của cấp uỷ, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của doanh nghiệp và người dân. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, của từng ngành, địa phương, đơn vị.

- Trong tổ chức thực hiện phải chỉ đạo kiên quyết, bám sát nội dung của Kế hoạch và Nghị quyết, cụ thể, tránh hình thức; phải đặt ra yêu cầu có sự chuyên biệt từng khâu, bộ phận công việc, thủ tục; xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, có sự kết hợp nhịp nhàng đồng bộ, hiệu quả giữa các ngành, đơn vị đối với những công việc có liên quan.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tháo gỡ bất cập pháp lý trong thực hiện dự án đầu tư

a) Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

- Nắm bắt kịp thời bất cập trong thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến doanh nghiệp trong thực hiện dự án đầu tư như Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền nhằm kịp thời tháo gỡ các bất cập.

- Thực hiện tốt quy chế phối hợp kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 12/4/2022, nhằm nắm bắt và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc bất cập mà các doanh nghiệp đang gặp phải trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường.

b) Các sở, ngành, UBND cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền, chủ động nghiên cứu, rà soát và khẩn trương tháo gỡ triệt để các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, khác nhau của các quy định pháp luật đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở rà soát xác định các quy định đã không còn phù hợp với thực tế khách quan, các quy định không hợp lý, các quy định không rõ ràng, cụ thể, các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, các quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì đề kiến nghị với UBND tỉnh giải quyết, đối với các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền của UBND tỉnh thì gửi kiến nghị tới các Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ gồm: (i) Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư tại các bộ, ngành và địa phương¹; (ii) các Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công²; và (iii) Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính³.

2. Cắt giảm danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và cải cách điều kiện kinh doanh

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Căn cứ vào lĩnh vực và các nhà đầu tư thực tế đang đầu tư tại tỉnh, nghiên cứu, rà soát danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện; đánh giá sự cần thiết của từng ngành nghề trong danh mục; tham mưu, kiến nghị với các cấp có thẩm quyền đưa các ngành nghề ra khỏi danh mục nếu yêu cầu quản lý thiếu cơ sở khoa học, không có mục tiêu quản lý và cơ sở thực tiễn áp dụng tại địa bàn tỉnh.

- Đánh giá mức độ thay đổi và tác động thực chất đối với doanh nghiệp của những cải cách, bãi bỏ đơn giản hóa các quy định về điều kiện kinh doanh trên cơ sở hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương đối với lĩnh vực ngành quản lý.

¹ Được thành lập theo Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

² Được thành lập theo Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

³ Được thành lập theo Quyết định số 932/QĐ-TTg ngày 06/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Các sở, ngành, UBND cấp huyện:

- Chủ động nghiên cứu, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; kiến nghị đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn. Chủ động rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh theo hướng: (i) Bãi bỏ điều kiện kinh doanh không hợp pháp, không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, khó dự đoán, và không dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng; (ii) Đối với các điều kiện kinh doanh không phù hợp với thực tiễn thì kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ và không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp; (iii) Rà soát các loại chứng chỉ và kiến nghị bãi bỏ chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ có sự trùng lặp về nội dung để tránh lãng phí nguồn lực của xã hội.

- Công bố đầy đủ các điều kiện kinh doanh đã được bãi bỏ, các điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa của các năm trước đây và thường xuyên cập nhật ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và tại các cơ quan, đơn vị mình.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hoá nền hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số đánh giá cấp tỉnh (PCI, PAR Index, SIPAS, PAPI, DTI...). Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo tinh thần Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị và Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ. Thực hiện nghiêm Chỉ thị 26-CT/TU ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, thực hiện tốt phương châm “**3 dám, 3 hơn, 5 rõ**”⁴, kiên quyết xử lý, thay thế cán bộ, công chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đẩy mạnh cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa

a) Các sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công an, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát tham mưu các bộ, ngành trung ương cắt giảm danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành. Đối với các sản phẩm, hàng hóa tham mưu cắt giảm, quản lý theo nguyên tắc cơ quan có thẩm quyền quy định tiêu chuẩn an toàn, người sản xuất, kinh doanh tự tuân thủ. Việc đề xuất sửa đổi danh mục mặt hàng thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: (i) Cắt giảm các mặt hàng có mức độ rủi ro rất thấp

⁴ 03 dám (dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung); 03 hơn (quyết liệt hơn, linh hoạt hơn, hiệu quả hơn); 05 rõ (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm và rõ kết quả)

hoặc gần như không có rủi ro; (ii) Bổ sung danh mục mặt hàng miễn, giảm kiểm tra chuyên ngành.

- Nghiên cứu, kiến nghị bộ, ngành trung ương sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại các văn bản pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: (i) Áp dụng đầy đủ nguyên tắc về quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và mức độ rủi ro của hàng hóa; phân biệt những vi phạm nhỏ mang tính hành chính, không ảnh hưởng đến giá trị và chất lượng của hàng hóa; (ii) Đơn giản hóa hồ sơ, quy trình, rút ngắn tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành sau khi hàng hóa thông quan, lưu thông trên thị trường. Áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan hải quan đối với hàng hoá sau thông quan; giảm thiểu kiểm tra đối với những doanh nghiệp có quá trình chấp hành tốt và không có lịch sử vi phạm các quy định pháp luật.

b) Sở Khoa học và Công nghệ: Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh tham gia ý kiến góp ý đối với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

c) Sở Y tế: Rà soát, đề xuất cắt giảm các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dược, khám bệnh, chữa bệnh, an toàn thực phẩm... Đẩy mạnh áp dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính (TTHC) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở, nhất là các thủ tục đăng ký thuốc, kê khai giá thuốc, công bố và tự công bố thực phẩm. Tiếp tục duy trì thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công trên địa bàn tỉnh. Năm 2024, phấn đấu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ y tế công đạt tối thiểu 90%.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và quản lý dự án đầu tư

a) Các sở, ngành, UBND cấp huyện:

- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số, chuyên đổi số nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ dịch vụ công và trong hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính. Nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đảm bảo tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt trên 95%, tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý hoàn toàn trực tuyến đạt trên 70%, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 60%.

- Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công... của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng hiệu quả công

nghe thông tin, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho UBND tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; nâng cấp, phát triển Cổng Dịch vụ công của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tích hợp, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử đáp ứng các chỉ tiêu, yêu cầu tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- Các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong thực hiện TTHC; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC. Duy trì tốt việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện, cấp xã đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

b) Công an tỉnh: Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả 24 mô hình, nhiệm vụ liên quan đến 05 nhóm tiện ích của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất các nội dung, yêu cầu quản lý dự án đã được chấp thuận đầu tư để tham mưu UBND tỉnh xây dựng phần mềm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý cũng như kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, hoàn thành **trong tháng 03/2024**.

d) Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số thuộc phạm vi quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và các sở, ngành liên quan xây dựng phần mềm và cơ sở dữ liệu dùng chung để theo dõi, quản lý các dự án có sử dụng đất sử dụng vốn ngoài vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

đ) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Giang: Thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số hoạt động ngân hàng để áp dụng các mô hình kinh doanh mới và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ tiện ích, an toàn đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

5. Tăng khả năng tiếp cận và hấp thụ vốn cho doanh nghiệp

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang

- Tiếp tục triển khai kịp thời, có hiệu quả các Chương trình tín dụng ưu đãi của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tới các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các TCTD trên địa bàn, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm rủi ro, đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn, hiệu quả.

- Chỉ đạo các TCTD trên địa bàn:

+ Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất cho vay; đẩy mạnh triển khai hiệu quả các gói tín dụng ưu đãi, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của các TCTD Nhà nước.

+ Tiếp tục hướng nguồn vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng của nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.

+ Tiếp tục có giải pháp hiệu quả đẩy mạnh triển khai các Chương trình tín dụng chính sách ưu đãi theo chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó đẩy mạnh cho vay có hiệu quả Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và cải tạo chung cư cũ.

+ Triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 một cách quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, hạn chế tối đa việc phát sinh nợ xấu.

+ Tích cực triển khai các giải pháp chuyển đổi số, các sản phẩm dịch vụ thanh toán, đảm bảo hoạt động an toàn, thông suốt, tích hợp liền mạch với các dịch vụ thuộc các ngành, lĩnh vực khách để mở rộng hệ sinh thái số.

+ Thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân, đặc biệt là các lĩnh vực kinh tế trọng điểm, ưu tiên, ưu đãi theo chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh.

b) Cục Thuế tỉnh: Khẩn trương rà soát, tổng hợp và tham mưu các giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về hoàn thuế giá trị gia tăng; giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng kịp thời cho doanh nghiệp, người nộp thuế đảm bảo đúng đối tượng, chính sách, quy định.

c) Các tổ chức Hội doanh nghiệp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Tiếp tục tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của các doanh nghiệp, Hợp tác xã để tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong việc tiếp cận nguồn vốn và nhu cầu vay vốn của các đơn vị, gửi về Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Giang để xem xét, giải quyết và tháo gỡ kịp thời.

d) UBND cấp huyện: Tập trung triển khai, chỉ đạo quyết liệt để quán triệt các chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh; phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Giang và các TCTD trên địa bàn nhằm tháo gỡ khó khăn

về vốn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng sản xuất kinh doanh.

6. Hoàn thiện chính sách nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hướng tới phát triển bền vững

a) Các sở, ngành, UBND cấp huyện:

- Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi hoặc ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút các nguồn lực cho phát triển, nhất là cơ chế chính sách thu hút nhà đầu tư lớn, phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hướng tới phát triển bền vững.

- Rà soát, hoàn thiện các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp, các nhà đầu tư thứ cấp với các quy định rõ ràng, chi tiết, bảo đảm tính công khai, minh bạch, để lựa chọn, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các dự án lớn, dự án công nghệ cao, tạo giá trị gia tăng lớn, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Nghiên cứu, tham mưu xây dựng Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Đề án của UBND tỉnh về thu hút các nhà đầu tư chiến lược đến đầu tư tại tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2024-2030 và thành lập Tổ công tác thực hiện các nhiệm vụ; tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Công Thương: Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 55-CTr/TU ngày 29/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29- NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 147-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030 theo hướng xây dựng “*Hệ sinh thái công nghiệp bền vững*”.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 07/10/2022 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 575/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách về phát triển nông nghiệp đã ban hành; xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp giai đoạn 2023 - 2026.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ: Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang nan hành Quy định hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn và áp dụng truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai

đoạn 2023-2030; Kế hoạch đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng giai đoạn 2021- 2025; Kế hoạch triển khai Đề án Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ năm 2030... Nâng cao chất lượng công tác thẩm định công nghệ các dự án thu hút đầu tư

7. Nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đầu tư, kinh doanh

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng giải pháp tư vấn, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp với các nội dung tái cấu trúc doanh nghiệp, tài chính, nhân sự, thị trường, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tham gia chuỗi giá trị bền vững, thủ tục hành chính,...

- Nghiên cứu, đề xuất thử nghiệm mô hình vườn ươm doanh nghiệp, cơ sở kỹ thuật dùng chung, hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

b) Sở Công Thương:

- Triển khai sâu rộng các hoạt động cung cấp thông tin, kết nối, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp trong tỉnh. Đặc biệt, chú trọng tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại đến các thị trường xuất khẩu, trong đó ưu tiên gắn kết cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trên cả nước với cơ quan thương vụ các nước.

- Thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, phổ biến các nội dung về các hàng rào kỹ thuật, các biện pháp phòng vệ thương mại trong thương mại quốc tế; phối hợp với cơ quan trung ương để hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động nắm bắt, ứng phó kịp thời với các vụ việc phòng vệ thương mại do nước ngoài điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu.

- Chủ động xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về ngành hàng, thị trường, quy định, tiêu chuẩn, điều kiện nhập khẩu của các nước và các cam kết theo các Hiệp định thương mại tự do và các cam kết quốc tế khác. Thực hiện hỗ trợ miễn phí các thông tin này cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện đẩy mạnh công tác hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

d) Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối, giúp Chủ tịch UBND tỉnh triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp được giao tại Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030”; Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch triển khai

các hoạt động của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2024, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

đ) Các tổ chức Hội doanh nghiệp

- Thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực,... tương ứng với các nhiệm vụ được giao trong các văn bản pháp luật có liên quan

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng các mô hình chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững.

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tiếp tục tiến hành khảo sát và công bố thường niên chỉ số DDCI hằng năm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch về triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP định kỳ 06 tháng và 01 năm gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trước ngày 01 tháng 6 và ngày 01 tháng 12 năm 2024.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP định kỳ 06 tháng và 01 năm, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương), Văn phòng Chính phủ và Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

3. Đề nghị các tổ chức Hội doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội theo dõi, đánh giá độc lập, thường xuyên về tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch này.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang chủ động hỗ trợ các sở, ngành và UBND cấp huyện tổ chức truyền thông, quán triệt, phổ biến Kế hoạch và Nghị quyết sâu rộng trong các ngành, các cấp và đến người dân, doanh nghiệp.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW);
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
- UBND cấp huyện;
- Các hiệp hội, hội cấp tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Lê Ánh Dương

Phụ lục
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,
QUY ĐỊNH KINH DOANH NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì thực hiện
I	Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh			
	Phối hợp với Bộ ngành, trung ương, cập nhật dữ liệu quy định kinh doanh trên Cổng Tham vấn và Tra cứu quy định kinh doanh (khi có yêu cầu)	%	100 %	Sở Kế hoạch và Đầu tư
II	Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công			
1.	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	Tối thiểu 80 %	Sở Nội vụ
2.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	Trên 60%	Sở Thông tin và Truyền thông
3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	%	Trên 70%	Các sở, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã
4.	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	%	100%	Các sở, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã
5.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	%	100%	Các sở, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã
6.	Tỷ lệ thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện.	%	100%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã
7.	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	%	Tối thiểu 50%	Các sở, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã
8.	Tỷ lệ các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí bằng bảo hiểm y tế trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	Tối thiểu 50%	Sở, ngành, UBND huyện, thành phố
9.	Tỷ lệ công bố, công khai thủ tục hành chính đúng hạn.	%	100%	Các sở, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã
10.	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính của địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	100%	Sở, ngành, UBND huyện, thành phố
11.	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	%	100%	Các sở, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã
12.	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.	%	Tối thiểu 90%	Các sở, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã